

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM BÌNH
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 91/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 29/10/2021

V/v ly hôn, T/c về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM BÌNH, TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Út

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hoàng Tiến

Bà Nguyễn Thị Sương

Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Bích Trăm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Bình

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 29 tháng 10 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 60/2021/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 02 năm 2021 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 92/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 9 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Thạch Thị P, sinh năm: 1985 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Vĩnh Long.

Chỗ ở hiện nay: Ấp A1, xã B, huyện C, tỉnh Vĩnh Long.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Tấn K, sinh năm: 1982 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Chị Thạch Thị P trình bày: Năm 2005 qua quen biết nên chị và anh K có tiến đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh Vĩnh Long ngày 17/9/2007.

Nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng theo chị là do anh K thường xuyên nhậu nhẹt, cờ bạc đá gà không lo làm ăn, hay ghen tuông vô cớ kiểm

chuyện cự cãi và có hành vi đánh đập hăm dọa đòi giết chị nên chị bỏ nhà đi vào tháng 11/2020 đến nay vợ chồng không về đoàn tụ được. Vợ chồng ly thân từ tháng 11/2020 đến nay. Chị thấy không còn tình cảm với anh K, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị yêu cầu:

+ Về hôn nhân: Chị P yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Tấn K

+ Về con chung: Vợ chồng có hai con chung tên Nguyễn Tấn P1, sinh ngày 27/01/2006 và Nguyễn Tấn T, sinh ngày 05/5/2011. Tại biên bản hòa giải vào ngày 05/7/2021 chị P thay đổi yêu cầu khởi kiện về con chung chị đồng ý giao cháu P1 và cháu T cho anh Nguyễn Tấn K tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng, do hiện nay cháu P1 và cháu T đang sống với anh K và chị không cung cấp được bản khai ý kiến của các cháu.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết. Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị P có đơn xin xét xử vắng mặt. Chị vẫn giữ nguyên yêu cầu như trong quá trình giải quyết vụ án và không có yêu cầu khác.

- Anh Nguyễn Tấn K (Vắng mặt): Do anh K vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án không thu thập được ý kiến và tài liệu chứng cứ của anh K.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định như sau:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện, lời trình bày của đương sự. Kết luận, quan hệ tranh chấp về “ly hôn, tranh chấp về nuôi con” quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ Luật tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Chị Thạch Thị P là nguyên đơn đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ lần 2. Ngày 05/7/2021 chị P có đơn xin xét xử vắng mặt với nội dung: Do chị đi làm xa chị không đến tham dự phiên tòa được. Chị vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như trong quá trình giải quyết vụ án. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 227, điểm a khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị P

Anh Nguyễn Tấn K là bị đơn đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ lần hai mà vẫn vắng mặt không rõ lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh K

[3] Về hôn nhân: Qua quen biết chị P và anh K có tiến đến hôn nhân và đăng ký kết hôn vào ngày 17/9/2007 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh Vĩnh Long. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Nguyên nhân mâu thuẫn do anh K thường xuyên cờ bạc, rượu chè không lo làm ăn, hơn nữa còn có hành vi bạo lực gia đình đe dọa tính mạng chị P. Vợ chồng ly thân từ tháng 11/2020 đến nay. Chị P xác định không còn tình cảm với anh K, chị kiên quyết ly hôn với anh K. Cho thấy quan hệ hôn nhân giữa chị P và anh K đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị P đối với anh K

[4] Về con chung: Chị P và anh K có hai con chung tên Nguyễn Tấn P1, sinh ngày 27/01/2006 và Nguyễn Tấn T, sinh ngày 05/5/2011, hiện nay hai cháu đang sống với anh K. Chị P đồng ý giao hai con chung cho anh K tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng.

Tại biên bản hòa giải ngày 05/7/2021 chị P tự nguyện giao hai cháu Nguyễn Tấn P1, sinh ngày 27/01/2006 và Nguyễn Tấn T, sinh ngày 05/5/2011 cho anh Nguyễn Tấn K tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con chị P không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh K để làm rõ yêu cầu của chị P về việc nuôi con chung và việc cấp dưỡng nuôi con chung nhưng anh K vắng mặt không rõ lý do nên không thể thu thập được ý kiến của anh K đối với việc nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung của chị P. Anh K không đến và không cung cấp văn bản ý kiến, yêu cầu đối với yêu cầu của chị P thì xem như đã tự mình từ bỏ quyền và lợi ích được pháp luật bảo vệ.

Do đó, Hội đồng xét xử xét ghi nhận sự tự nguyện của chị P giao hai con chung là Nguyễn Tấn P1, sinh ngày 27/01/2006 và Nguyễn Tấn T, sinh ngày 05/5/2011 cho anh Nguyễn Tấn K tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do anh K vắng mặt, chị P không có ý kiến và yêu cầu trong vấn đề cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị P không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ Luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc chị Thạch Thị P phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 4 Điều 147 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015;

Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Thạch Thị P

1. Về hôn nhân: Chị Thạch Thị P được ly hôn với anh Nguyễn Tấn K

2. Về con chung: Giao hai cháu Nguyễn Tấn P1, sinh ngày 27/01/2006 và Nguyễn Tấn T, sinh ngày 05/5/2011 cho anh Nguyễn Tấn K tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Thạch Thị P không yêu cầu giải quyết nên không đặt vấn đề xem xét, giải quyết.

Chị Thạch Thị P không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Thạch Thị P không yêu cầu giải quyết nên không đặt vấn đề xem xét, giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Thạch Thị P phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn. Trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010861 ngày 19/02/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long. Chị Thạch Thị P đã nộp xong.

5. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Bản án được giao hoặc được niêm yết công khai theo quy định pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long: 01b;
- VKSND huyện Tam Bình: 02b
- Chi cục THADS huyện Tam Bình: 01b;
- UBND xã ĐKKH: 01b;
- Đương sự: 02b;
- Lưu: 04b.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Út